

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2013/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 12 năm 2013.

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/03/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/03/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BNG của Bộ Ngoại giao về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/03/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 542/TTr-SNgV, ngày 17/12/2013 về việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Ngoại giao;
- Ủy ban công tác về các tổ chức PCPNN; (báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao;
- Cục Ngoại vụ - Bộ Ngoại giao;
- Cục Quản lý XNC - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo, Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu: VT, CV (HP).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Châu Văn Lâm

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 38 /2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài; việc quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài (sau đây viết tắt là PCPNN) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Trung ương đóng tại địa phương, tổ chức và các cá nhân khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động, quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN.

b) Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân hoặc các hình thức tổ chức xã hội, phi lợi nhuận khác, được thành lập theo luật pháp nước ngoài, có hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận hoặc các mục đích khác tại tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Lĩnh vực ưu tiên sử dụng nguồn vốn viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Viện trợ PCPNN được sử dụng hỗ trợ thực hiện các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội và nhân đạo của tỉnh trong từng thời kỳ, chủ yếu bao gồm:

a) Phát triển nông nghiệp và nông thôn (bao gồm nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, thủy sản) kết hợp xóa đói giảm nghèo.

b) Phát triển hạ tầng cơ sở xã hội vùng dân tộc thiểu số (y tế, giáo dục và đào tạo, lao động, việc làm, dân số).

c) Bảo vệ môi trường và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, dịch bệnh và cứu trợ khẩn cấp; ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Tăng cường năng lực thể chế, quản lý, kỹ thuật và phát triển nguồn nhân lực; chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai.

2. Các lĩnh vực khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI; QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Ngoại vụ

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác vận động viện trợ và quản lý nhà nước về hoạt động của các tổ chức PCPNN.

2. Sở Ngoại vụ có trách nhiệm:

a) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của các tổ chức PCPNN tại địa phương.

b) Tham mưu đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các tổ chức PCPNN.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động của các tổ chức PCPNN tại địa phương.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN trong việc xem xét, đề xuất ý kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động/ Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án/Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức PCPNN hoạt động trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

đ) Chủ trì, phối hợp với Cục Ngoại vụ, Bộ Ngoại giao; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ xây dựng chương trình dự án và vận động, quản lý nguồn viện trợ PCPNN cho các sở, ban, ngành, cơ quan trên địa bàn tỉnh.

e) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng hướng dẫn các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài trong việc chấp hành quy định của pháp

luật Việt Nam và các điều ước quốc tế về lĩnh vực xuất, nhập cảnh, quá trình lưu trú và các hoạt động khác có liên quan tại địa phương.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về quản lý và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về trình tự, thủ tục tiếp nhận viện trợ PCPNN.

b) Chủ trì tổ chức thẩm định văn kiện chương trình, dự án PCPNN, hồ sơ viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính chính lập kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đối ứng cho các chương trình, dự án hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

d) Định kỳ 6 tháng và hằng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ) về tình hình thực hiện các khoản viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng viện trợ PCPNN.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Sở Tài chính là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hạch toán thu, chi ngân sách đối với các khoản viện trợ PCPNN theo quy định của pháp luật; hướng dẫn các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ lập dự toán, tổng hợp dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước về viện trợ PCPNN, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn đối ứng cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ PCPNN đã cam kết với Bên tài trợ theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ PCPNN của các cơ quan, tổ chức trong tỉnh.

d) Tham gia thẩm định và đóng góp ý kiến đối với các khoản viện trợ PCPNN liên quan đến phạm vi trách nhiệm quản lý của mình.

Điều 6. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, lưu trú của người nước ngoài đến thực hiện dự án, chương trình do tổ chức PCPNN viện trợ theo quy định; xử lý các vụ việc liên quan đến tổ chức, cá nhân có yếu tố nước ngoài xảy ra trên địa bàn tỉnh.

2. Tham gia thẩm định về mặt an ninh đối với hoạt động và các chương trình, dự án viện trợ của các tổ chức PCPNN; phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét tiếp nhận các chương trình, dự án của các tổ chức PCPNN.

3. Hướng dẫn các cơ quan liên quan thực hiện đúng các quy định của nhà nước trong quan hệ, tiếp xúc, làm việc với người nước ngoài; bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế và bảo vệ bí mật Nhà nước.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ PCPNN có liên quan đến các tổ chức tôn giáo hay có yếu tố tôn giáo.

2. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý, vận động viện trợ PCPNN theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức tài trợ và tiếp nhận viện trợ PCPNN thực hiện đúng các quy định về bảo vệ an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Thực hiện và chỉ đạo, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, của tỉnh về việc mời đoàn vào, tiếp xúc, làm việc với các đoàn khách thuộc các tổ chức PCPNN; kịp thời báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền đề xin ý kiến giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc với các tổ chức PCPNN.

2. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thông báo cho Sở Ngoại vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi tiếp nhận những khoản viện trợ PCPNN được các

bộ, ngành, tổ chức đoàn thể, hội ở Trung ương phân bổ, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các tổ chức PCPNN trong quá trình xây dựng dự án, thực hiện, theo dõi và đánh giá các hoạt động viện trợ PCPNN của cơ quan, đơn vị.

Đối với các hoạt động viện trợ PCPNN được thực hiện thông qua các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị- xã hội và nghề nghiệp và các hội khi tiếp nhận viện trợ phải phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố có các hoạt động viện trợ được triển khai (từ khâu lập kế hoạch đến theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện viện trợ).

4. Chủ động xây dựng danh mục các dự án ưu tiên kêu gọi vận động viện trợ PCPNN gửi về Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

5. Các cơ quan, đơn vị khi có phát sinh hoạt động liên quan đến viện trợ PCPNN giao cho bộ phận chuyên môn có năng lực để quản lý, sử dụng. Văn bản thông báo về việc cử bộ phận đầu mối phải được gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày được phê duyệt khoản viện trợ PCPNN.

6. Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đồng gửi Sở Ngoại vụ và Sở Kế hoạch và Đầu tư) về hoạt động viện trợ PCPNN theo quy định.

7. Các cơ quan, tổ chức tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm tiếp nhận, sử dụng và quản lý nguồn vốn, tài sản của bên tài trợ theo nội dung đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương III

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Vận động viện trợ PCPNN

1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan vận động, tìm kiếm các nguồn viện trợ và mở rộng các mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Tuyên Quang với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức hữu nghị nước ngoài.

2. Định kỳ tháng 11 hàng năm, Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng danh mục dự án kêu gọi viện trợ PCPNN cho năm sau.

3. Đối với các hoạt động vận động cứu trợ khẩn cấp, Sở Ngoại vụ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có thiên tai căn cứ vào mức độ

thiệt hại cụ thể về người, tài sản, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để kêu gọi viện trợ khẩn cấp.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh khuyến khích các cơ quan, đơn vị và cá nhân chủ động tham gia vận động, đàm phán viện trợ PCPNN đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Vận động viện trợ căn cứ theo danh mục các dự án ưu tiên vận động viện trợ hàng năm và năng lực của cơ quan dự kiến tiếp nhận viện trợ.

b) Đối với các dự án ngoài danh mục ưu tiên, cơ quan vận động viện trợ phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Ngoại vụ) xem xét, quyết định về nhà tài trợ, dự kiến, mục đích, nội dung chủ yếu của chương trình, dự án dự định kêu gọi, vận động, đàm phán; trường hợp có nhiều cơ quan, tổ chức dự kiến vận động cùng một dự án, Sở Ngoại vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cơ quan chủ trì đầu mối xây dựng dự án và kêu gọi vận động viện trợ.

Điều 11. Đàm phán, ký kết khoản viện trợ PCPNN

1. Sở Ngoại vụ là cơ quan đầu mối trong việc vận động viện trợ PCPNN; chủ trì, phối hợp với đơn vị vận động viện trợ và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đàm phán các khoản viện trợ.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc đàm phán, Sở Ngoại vụ có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả đàm phán và xin chủ trương ký kết thỏa thuận viện trợ (nếu đàm phán thành công).

Việc ký kết văn kiện chương trình, dự án hoặc thoả thuận tiếp nhận viện trợ PCPNN chỉ được tiến hành sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý.

3. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn chủ khoản viện trợ, các tổ chức PCPNN về nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục ký kết các thoả thuận viện trợ PCPNN.

Chương IV

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CÁC KHOẢN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án

1. Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chuẩn bị chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án trên cơ sở đề xuất, kiến nghị của chủ khoản viện trợ PCPNN.

5

Trong trường hợp cần thiết phải thành lập Ban chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan soạn thảo quy chế tổ chức hoạt động và các văn bản cần thiết khác đối với Ban chuẩn bị khoản viện trợ PCPNN trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nội dung chủ yếu của văn kiện chương trình, dự án và hồ sơ viện trợ phi dự án được quy định tại Điều 9, Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

Điều 13. Vốn chuẩn bị các chương trình, dự án viện trợ PCPNN

1. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ PCPNN lập kế hoạch vốn chuẩn bị chương trình, dự án, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ và Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm của tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách của tỉnh.

2. Đối với các chương trình, dự án sử dụng viện trợ PCPNN không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước thì chủ khoản viện trợ PCPNN tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho chương trình, dự án thống nhất với các quy định hiện hành.

3. Trường hợp nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị đầu tư cho chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm đưa nguồn vốn chuẩn bị đầu tư cho chương trình, dự án vào tổng vốn chung của khoản viện trợ PCPNN.

Điều 14. Hồ sơ trình phê duyệt khoản viện trợ PCPNN

Hồ sơ, văn kiện các chương trình, dự án viện trợ PCPNN được lập theo mẫu hướng dẫn chung quy định tại Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/03/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đối với các khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, hồ sơ thẩm định được lập thành 08 bộ trong đó ít nhất có 01 bộ hồ sơ gốc.

Điều 15. Thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ PCPNN

1. Việc thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ PCPNN thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 14, Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài ban hành

theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ và khoản 2 Điều 4, Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/03/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

2. Phê duyệt khoản viện trợ PCPNN

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cùng văn bản thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt khoản viện trợ.

3. Thông báo kết quả phê duyệt

Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi khoản viện trợ được phê duyệt, cơ quan chủ quản có trách nhiệm gửi Quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện, chương trình dự án, thoả thuận viện trợ PCPNN cụ thể, hồ sơ viện trợ phi dự án về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ, Tài chính, Chủ khoản viện trợ và các cơ quan có liên quan theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Chế độ báo cáo

1. Ban Quản lý dự án, Chủ khoản viện trợ PCPNN có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án theo đúng quy định tại Điều 27 của Nghị định 93/2009/NĐ-CP và Điều 9, 10, 11 của Thông tư số 07/2010/TT-BKH.

2. Đối với các báo cáo thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 27 của Nghị định số 93/2009/NĐ-CP, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo từ các cơ quan, đơn vị tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày 10 tháng 7 của năm báo cáo và ngày 20 tháng 1 của năm tiếp theo.

3. Đối với các báo cáo thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 28 của Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ, Sở Ngoại vụ tổng hợp báo cáo từ các cơ quan, đơn vị tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN và lập dự thảo báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt trước ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo và ngày 15 tháng 2 của năm tiếp theo.

4. Chế tài xử lý vi phạm chế độ báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án PCPNN thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định 93/2009/NĐ-CP và quy định của tỉnh.

Điều 17. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc vận động, tiếp nhận, sử dụng và quản lý viện trợ PCPNN được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Mọi hành vi vi phạm trong việc quan hệ, vận động, đàm phán, phê duyệt, ký kết, tiếp nhận, sử dụng và quản lý các khoản viện trợ PCPNN tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có phát sinh, vướng mắc các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.



Châu Văn Lâm